

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

Về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chế độ trách nhiệm

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN

Điều 4. Vốn hoạt động của tổ chức tín dụng

1. Vốn chủ sở hữu:

- a) Vốn điều lệ;
- b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật;
- c) Thặng dư vốn cổ phần;
- d) Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính;
- đ) Lợi nhuận chưa phân phối;
- e) Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Vốn huy động:

- a) Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân;
- b) Vốn nhận ủy thác đầu tư;
- c) Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và ngoài nước;
- d) Vốn vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- đ) Phát hành các giấy tờ có giá.

3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ hoặc vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định do Chính phủ quy định. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, vốn được cấp, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công bố công khai số vốn điều lệ, vốn được cấp mới.

Giá trị thực của vốn điều lệ, vốn được cấp được xác định bằng vốn điều lệ thực góp, vốn được cấp, cộng (trừ) lợi nhuận chưa phân phối (lỗ chưa xử lý), các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế (không bao gồm quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành).

Điều 6. Sử dụng vốn, tài sản

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng vốn hoạt động để kinh doanh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh.

3. Tổ chức tín dụng được sử dụng không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động và phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty thành viên độc lập của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.

4. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng không quá 50% vốn được cấp và quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động và phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 7. Góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng

1. Tổ chức tín dụng chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, của các tổ chức tín dụng khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng cổ phần thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, của các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.

3. Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn quyết định phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, của các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.

4. Tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của chính tổ chức tín dụng đó.

Điều 8. Bảo đảm an toàn vốn

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động như sau:

1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật và công khai việc tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở và chi nhánh.

5. Hạch toán, trích vào chi phí hoạt động kinh doanh khoản dự phòng rủi ro trong hoạt động theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

6. Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản

1. Kiểm kê tài sản:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện kiểm kê tài sản trong các trường hợp sau:

- Kết thúc năm tài chính;
- Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý;
- Sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc vì một lý do nào đó gây ra biến động tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Đối với tài sản thừa, thiếu, cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan để xử lý theo từng trường hợp cụ thể.

2. Đánh giá lại tài sản:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý, đa dạng hóa hình thức sở hữu;
- Dùng tài sản để đầu tư ra bên ngoài;
- Thu hồi tài sản khi chấm dứt hoạt động đầu tư ra bên ngoài;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Việc đánh giá lại tài sản và xử lý hạch toán đối với khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 10. Khấu hao tài sản cố định

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng nguồn vốn có được từ khấu hao tài sản cố định để tái đầu tư thay thế, đổi mới tài sản cố định và sử dụng cho các yêu cầu kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Xử lý tổn thất về tài sản

Khi bị tổn thất về tài sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

1. Nếu do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường. Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Nếu tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

3. Sử dụng khoản dự phòng được trích lập trong chi phí để bù đắp theo quy định của pháp luật.

4. Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ.

Điều 12. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cho thuê, thế chấp, cầm cố các tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật, bảo đảm có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn.

Điều 13. Nhượng bán tài sản

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhượng bán tài sản để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh có hiệu quả hơn.

2. Việc nhượng bán tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Việc nhượng bán tài sản của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về nhượng bán tài sản đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 14. Thanh lý tài sản

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thanh lý những tài sản kém, mất phẩm chất; tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi; tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả và không